

Số: 53/QĐ-THPTCC

Củ Chi, ngày 14 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ
01/01/2022 đến 31/03/2022 của trường THPT Củ Chi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CỬ CHI

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán và quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 của trường THPT Củ Chi theo các biểu mẫu đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng văn phòng, bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC Sở GDĐT
- Lưu VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng Tịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT CÙ CHI

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2021**Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022**

(Kèm theo Quyết định số 53/QĐ-THPTCC ngày 14/04/2022 của Trường THPT Cù Chi)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.620.000.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	1.620.000.000	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	1.620.000.000	
2.3	Căn tin + kios	-	
2.4	Giữ xe	-	
2.5	Hồ bơi	-	
2.6	Điện năng lượng mặt trời		
2.7	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	33.400.000	
3.1	Phí - lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	32.400.000	
3.2.2	Căn tin + kios	500.000	
3.2.3	Giữ xe	250.000	
3.2.4	Hồ bơi	250.000	
3.2.5	Điện năng lượng mặt trời	-	
3.2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)	-	
4	Thu viện trợ, tài trợ		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.586.600.000	
1	Phí - lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	1.586.600.000	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	1.587.600.000	
2.3	Căn tin + kios	- 500.000	
2.4	Giữ xe	- 250.000	
2.5	Hồ bơi	- 250.000	
2.6	Điện năng lượng mặt trời	-	
2.7	Thu lãi ngân hàng (nếu có)	-	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.766.716.241	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	16.766.716.241	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.000.000	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)	22.180.241	
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.066.795.000	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	2.655.741.000	

Ngày 14 tháng 04 năm 2022



TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG

CÙ CHI

Trần Hoàng Tịnh

Đơn vị: TRƯỜNG THPT CÙ CHI

Chương: 422

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Kèm theo Quyết định số 53/QĐ-THPTCC ngày 14/04/2022 của Trường THPT Cù Chi)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu	987.071.831	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	987.071.831	
	Học phí	4.700.000	
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	974.700.000	
	Căn tin + kios	-	
	Giữ xe	-	
	Hồ bơi	-	
	Điện năng lượng mặt trời	7.589.208	
	Thu lãi ngân hàng	82.623	
3	Thu sự nghiệp khác	-	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	482.542.716	-
1.1	Chi học phí công lập	-	-
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	483.464.224	-
1.2.1	Giảng dạy	286.200.000	
1.2.2	Công tác giám thị	7.175.000	
1.2.3	GVCN, TTCM, TLTN, CTCĐ, BTCĐGV		
1.2.4	Quản lý, bộ phận gián tiếp		
1.2.5	Chi hoạt động chuyên môn, văn thể mỹ, sách tham khảo	26.641.760	
1.2.6	Chi hoạt động: tiền điện, internet, dịch vụ công cộng khác	246.736	
1.2.7	Mua sắm công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, đồ dùng vệ sinh	1.005.000	
1.2.8	Sửa chữa nhỏ, bảo trì hệ thống điện nước, máy móc thiết bị, cây xanh	13.650.000	
1.2.9	Thanh toán lương cho nhân viên hợp đồng	148.545.728	
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	- 1.000.000	-
	Trích nguồn CCTL	- 400.000	
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	- 600.000	
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	78.492	
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK		
	Trích nguồn CCTL	31.397	
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	47.095	
C	Số thu nộp NSNN	20.877.592	
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)	1.000.000	
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	19.494.000	
	Điện năng lượng mặt trời (thuế GTGT, TNDN)	379.460	
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	4.131	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	3.370.835.112	-



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
MLNS	Nội dung kinh tế		
1.2	Chi cải cách tiền lương (Thường xuyên)	-	
MLNS	Nội dung kinh tế		
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.370.835.112	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.755.950.099	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	11.532.600	
6101	Phụ cấp chức vụ	22.573.502	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	894.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	526.981.620	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	1.117.500	
6114	Phụ cấp trực	3.803.845	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	330.162.940	
6299	Chi khác	883.637	
6301	Bảo hiểm xã hội	371.038.349	
6302	Bảo hiểm y tế	63.606.574	
6303	Kinh phí công đoàn	42.404.383	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	20.921.582	
6449	Chi khác	157.500.000	
6501	Tiền điện	20.209.376	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	1.519.000	
6551	Văn phòng phẩm	7.654.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	5.610.000	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	107.998	
6603	Cước phí bưu chính	177.407	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	3.943.500	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	3.376.000	
6704	Khoản công tác phí	7.200.000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	1.500.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	4.800.000	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	717.200	
7799	Chi các khoản khác	4.650.000	
1.4	Chi cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	-	
MLNS	Nội dung kinh tế		

Ngày 14 tháng 04 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Tịnh

Trần Hoàng Tịnh